

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燄 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo
Quản lý
CUNG DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN TRUNG THU
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút
DUONG-VAN HIEN
Sư cụ chùa Tế-Cát



GIÁ BÁO:

ẢM NĂM: 1\$00 - NỬA NĂM: 0\$50 - MỖI SỐ: 0\$03

Hội Phật-Giáo trung-ương mới rồi có cử sư-ông Lai biệt hiệu Tổ-Liên vào Huế tham cứu trình độ học thức của chư tăng trong ấy, và muốn biết rõ chương trình học tập các trường Tăng của hội Phật-học Huế đã tổ chức lâu ngày.

Sư-ông Lai đã khởi hành ngày 15 Septembre 1936 đi chuyến tàu chưa 13h,30



Hộp Tho

Bản-báo đã nhận được quyền « Lễ bệ lục phương » của hội Tịnh-độ Cư-sĩ biếu. — Xin có lời trân trọng cảm ơn hội.

Trả lời ông Nguyễn-phú-Hội, Cần-tơ. — Ba vị độc-giã mà ông đã giới-thiệu, bản-báo đã lập tức gửi láo vô rồi xin cảm ơn ông. Ông Hương-kiềm-Quy cũng đã có báo gửi bù cho những số bị thất lạc.

Các vị sau này đã gửi trả liền báo :

M. M. Lê-đức-Thiền, Vĩnh-long mandat 1\$00

Ngô-văn-Nho, Nguyễn-văn-Hay, Thái-cầm-Vân,
Huỳnh-văn-Chương, Lê-văn-Thịnh à Bắc-liều.

Mandat 5\$00

Thiện-Bảo Yết-Ma, Hà-tiên Mandat 1\$00

Cùng ông Dương-minh-Châu et Trần-trung-Nghĩa à Gò-công. = Mandat 2\$00 của hai ông đã nhận được. Từ số 20 hết đã lâu, xin ông vui lòng vậy — Sẽ gửi hầu ông bộ Địa-lạng sau khi xuất bản được hoàn toàn.

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ VIỆC

CHẤU HƯNG PHẬT-GIÁO



Hợp quần làm lên thế-lực, là một câu phương-ngôn rất quan hệ đến việc hành động của loài người, dù việc tôn-giáo cũng không ngoài được cái công lệ ấy. Hội Phật-giáo thành lập, góp chí gồm tài của người các giới, làm một cái cơ quan có đủ thế-lực đề tuyên dương Phật-pháp, nhờ thế mà mới trong vòng hơn năm, phong trào Phật-giáo bành trướng khắp mọi nơi, từ thành thị đến thôn-quê, từ bắc xuống nam, từ đông sang tây, đâu đâu cũng khuynh hướng về việc chầu-hưng Phật-giáo, tưởng trong lịch sử tôn-giáo nước nhà, chưa có một thời kỳ nào, có đặc sắc như thế ; nhưng xét cho kỹ, thì cái hình-thức tuy có tiến bộ mau chóng, mà xem ra cái tinh-thần (Tăng-giới) chưa được mạnh mẽ là bao.

Hội Phật-giáo lập ra trước hết đề chỉnh đốn Tăng-giá, mà cái trách nhiệm tuyên-dương Phật-Pháp lại chính ở Tăng-giá. Tăng-giá có chỉnh đốn, mới đào tạo-được nhân-tài có đủ học hành, đủ phương pháp đề tuyên-truyền-giáo-ly của Phật, có được như thế mới mong có kết quả tốt tươi.

Vậy cần thiết nhất là phải lo đến việc học của Tăng-cưubng, mỗi tỉnh cần phải lập một học-tinh xá để làm học-đường chư tăng.

Hội Phật-giáo mới thành lập, tiền quỹ lại phải chi dùng các việc cần thiết cho hội tiến-hành, thế mà đưong lúc sơ khai, bản ngay việc lập các tinh-xá, hình như một vấn đề chưa hợp thời. Song việc gì muốn làm thì không cứ trường hợp nào cũng có thể làm được, chỉ bằng ở thập phương Tăng-giá đưong-mãnub, tinh tiến là được mà thôi. Trước khi đem các phương-pháp tỏ bày cùng các giáo-bửu, tôi hãy nói qua về hiện tình Tăng-giá như thế nào, các nguyên-nhân làm trở ngại cho sự tiến bộ của Tăng-giá ra sao ?

Một người xuất-gia vì hoàn-rãnh bỏ buộc, ngày tháng chỉ lo về việc sinh-kế, nào có được mấy thi giờ rãnh để nghiên-cứu giáo lý, mỗi năm được vài tháng đi hạ, đi học, phải vận lương riêng đi ăn, nếu gặp cảnh chùa nghèo túng, thì dù có muốn đi hạ học, cũng không lấy lương đâu mà học. Vị nào chưa ở chùa thì đi học không có lương, đã có chùa thì phải hoàn-cảnh bỏ buộc như trên, các Tăng ni phần nhiều đều không ra ngoài phạm vi ấy cả.

Đã giữ một chùa nào, ngoài việc sinh nhai, còn phải hết sức lấy lòng dân, lo sửa sang vào chùa cho tổ-bảo, lo theo lệ làng cho đầy đủ, được năm ba mẫu ruộng để đóa hương cúng phật hằng năm, tiền thuê ruộng, tiền sương túc chưa chắc đã thừa thế mà đến kỳ Thượng-nguyên, hay đồ-tồ, cũng

phải làm cỏ chạy cỏ mận thiết đãi làng, không thì phải sỏ lợn hay sỏ gà theo tục, nếu không thì khăn gói gió đưa, sư phải tìm phương xa lánh. Lắm nơi sư ăn nhịn để dành được ít nhiều để tu bổ vào chùa thì những Huynh-trưởng kỳ-hào người này ra tạm, người khác ra vay, nếu không được như ý, họ sẽ tìm trăm phương nghìn kế để bóc lột sư trục xuất sư đi.

Đã là người xuất-gia tu-đạo, ngày tháng nương nhờ cửa Phật, nếu nhỡ có điều gì thất ý huynh thừ trong làng, bị ra đi, thực là bơ vơ, không chốn nương thân, gập ghềnh bước thấp bước cao, nào đâu Tinh-độ nào đâu liên-dại !

Than ôi ! Phật, Pháp, Tăng là tam bảo trong thế giới. Tăng không được trọng, là vì tín đồ ít hiểu nghĩa tam-quy, mà cái đó cũng là vì làng ít học không biết đem chân-lý của Phật trao đổi cho Thiện-tín.

Ấy sự học vấn quan hệ đến đời tu-hành là thế, cho nên ta sớm phải cần lo chỉnh đốn việc học trong Tăng-giá. Tăng-giá đã có đủ học lực, đủ đức hạnh thì lo gì nhẽ phải nói chẳng có người nghe, công việc làm chẳng được dễ dàng mau chóng.

Mong rằng : Trên các cụ Đại-Đức và thập-phương Tăng-giá, mỗi tỉnh kết tập Tăng-giới, kể ít người nhiều, hăng sản, hăng tâm, tụ một khu đất rộng rãi, dựng trường học, làm bệnh viện, lập nghĩa địa gọi là tinh-xá. Tinh-xá tuy thuộc quyền Chính-phủ về việc trị-an, song không phải thuộc về một thôn một làng nào, Tăng-giới sẽ được

độc quyền trông nom trong khu-vũ ấy và thực-nhãn theo Tôn-chỉ chấn hưng, rồi dần dần thêm ruộng đất, để làm lương thực cho chư Tăng về tông học. trong học đường sẽ lập Thư-viện quyền sách của các nhà trước thuật, của các nhà Từ-thiện để lấy tài liệu cho Tăng chúng kê-cửu như thế mới là tu có sở, học có trường, ốm có bệnh viện, sống đã có nơi nương tựa, chết lại có chỗ gửi nắm xương tàn khỏi hệ lụy đến ai.

Làm thế thì Tăng già rữ được hết các điều phiền muộn, mà chăm chỉ học hành, mới thấu hết tinh thần đạo phật. « Trước giác minh, sau đưa chúng-sinh tới bờ giác », ấy là bổn phận Tăng-già đây đủ vậy.

Trong Tăng-già có kết lập như thế, thì Phật giáo mới chóng xương minh. Sau này việc học có kết quả rạch rỡ, ta có thể mở thêm lớp dạy con cháu các Thiện tín, mới thực là làm trọn được cái bổn phận tự giác giác tha vậy. Mong lắm thay !!!

Hưng-Yên Đại-Lý Tăng

Sa-Môn THANH-AN

HƯƠNG - HẢI THIỀN - SU

(Tiếp theo số 38)

« *Nhiên người thấy sự-vật nó hay làm trở ngại cho lý, cảnh-giới nó hay làm trở ngại cho tâm, bèn muốn tránh xa cảnh-giới để yên lấy tâm, bỏ cả sự-vật để giữ lấy lý. Nhưng không biết rằng làm như thế thì tâm lại càng làm trở ngại cho cảnh; lý lại càng làm trở ngại cho*

« sự. Chỉ có một cách là giữ cho tâm hư không thì mọi
• cảnh-giới đều tự hư không ; lý yên tĩnh thì mọi sự-
• vật đều tự yên tĩnh, chứ đừng có làm sự trái ngược
• để diên đảo tâm kia đi ».

— « Pháp-thân không có tướng, không có thể đem âm-
• thanh mà cầu được pháp-thân ; Đạo màu khó nói ra,
• không có thể lấy văn-tự mà xét được đạo màu ».

— « Thừa trước kia đã không còn có phiền-não gì phải
• trừ khử, thừa hiện giờ cũng không có cái tình riêng gì
• đáng gìn-giữ, lại thừa sau đây cũng chẳng có Phật-tổ
• gì chừng nên. Ấy thế gọi là tam-tế 三際 đoạn-
• tuyệt và gọi là tam-nghiệp 三業 thanh-lương ».

— « Ta vừa mới nhắc đến tâm thì tâm ấy đã thuộc về
• quá-khứ-tâm rồi. Chỉ có khi ta chưa nhắc đến tâm ấy
• thì nó mới là vị-lai-tâm. Vậy thì tâm ấy không thuộc
• về quá khứ thì thuộc về vị-lai, chứ không còn có chỗ
• nào là hiện-tại-tâm cả ».

Đoạn ngữ-lục này xét về lẽ màu nhiệm của thời gian
rất tinh vi. Tức là nói tâm ấy không thuộc về quá-khứ
thì thuộc về vị-lai, chứ không còn có chỗ nào là hiện
tại tâm nữa. Bởi vì thời-gian nó đi vùn vụt không một
lý một phút nào ngừng, đã không ngừng thì làm gì có
hiện-tại, cho nên sự-vật trong vũ-trụ cùng với thời-gian
cùng luân-chuyển, nháy mắt đã đổi khác, phi thuộc về
quá khứ thì thuộc về vị-lai, mà cảnh-giới thế gian hết
thầy đều là mộng-huyễn bao-ảnh mà thôi.

Lời ngữ-lục này cũng cùng một ý-nghĩa với câu
« mọi việc qua đi đều như nước sóng chảy » của đức
Khổng-tử đóng-phương, và câu « rửa chân giống nước
chảy » của đấng Heraclite Tây phương vậy. Nghĩa là
hai câu của hai nhà Thánh-triết này cũng đều chứng
về cái nghĩa chỉ có quá-khứ và vị-lai, mà không có hiện-
tại của đạo Phật.

Coi đó ta thấy rằng đạo Phật không phải chỉ là một

lòng giáo, ức-thuyết, mà đạo Phật chính lại là một môn triết học luân-lý nữa. Thế mà chư Tổ ở Đông-dộ trước đây đã hiểu đạo và nói được những lời trên ấy, thực là những nhà đại-lý-học trong Thiên môn vậy.

-- « Mặt trời mọc lên, soi sáng cho khắp thiên-hạ, nhưng
« giữa chỗ hư-không kia thì có gì là sáng láng đâu. Mặt
« trời lặn xuống, cả thế-giới đều tối tăm, nhưng giữa
« chỗ hư-không kia thì có gì là tối tăm đâu. Vậy thì biết
« nơi cảnh-giới tuy có đắp đổi sự tối sáng với nhau, mà
« cái bản-tính hư-không bao giờ cũng vẫn tự-như trong
« suốt như thế. Tâm của Phật và của chúng sinh cũng
« đều như thế. Như thế mà nếu mình quán-tưởng mà
« cho rằng tính Phật là thanh-tịnh quang-minh, tính
« chúng sinh là nhơ bẩn, tối tăm, thì dù trải có nhiều
« kiếp như số cát sông Hằng hà cũng chẳng giác-ngộ
« được đạo Bồ-đề ».

Đoạn ngữ-lục này tỏ cho người ta biết rằng Phật vốn cũng là một chúng sinh trong chúng sinh, một người trong loài người, cũng cùng chung một cái bản-tính không hư trong suốt tự-như Số dĩ Phật thành Phật được là Phật giữ được bản-tính ấy y-nguyên không hư, chẳng chút tư vị, y nguyên trong suốt, chẳng chút tối mờ. Mà chúng sinh chỉ là chúng sinh, là chúng sinh làm cho bản-tính ấy thành thiên vị, tối mờ, không còn hư không. Trong suốt như xưa nữa. Chứ không phải Phật nguyên lai có khác lạ gì với người ta đâu. Đó tức là cái nghĩa Phật với chúng sinh đều chung một Phật-tính, chúng sinh đều có thể thành Phật được.

-- « Tam thế chư Phật hết thầy ở trong thân ta. Chử
« vì khí-lập nó làm mờ ám, cảnh-vật nó làm ngăn trở,
« bèn khiến cho ta tự mê đi. Nếu ta trong lòng tự xét
« được một cách vô tâm thì ta tức là quá-khứ Phật; Cầu
« động-tác ở trong chỗ yên lặng được, thì ta tức là vị-lai
« Phật; Tùy cơ nào làm việc ấy được, thì ta tức là
« hiện-tại Phật.

« Ta thanh tịnh không hề ô nhiễm, ấy ta là phật lý-
« cấu 離垢. Ta ra vào không đau trở ngại ấy ta là
« phật thần thông. Đáo xứ ưu du. ấy ta là phật tự tại.
« Một lòng trong sạch, ấy ta là phật quang-minh. Lòng
« đạo bền vững, ấy ta là phật bất hoại. Ta biến hóa vô
« cùng chỉ do một chân tính ấy ».

Coi đoạn ngữ-lục này, ta lại dễ nhận thấy cái sự tu
cho thành phật. Cứ như ý của đoạn ngữ lục này thì
phật chỉ là một người giữ vẹn được cái chân tính
chung cả mọi người. Người thành phật tức là người tự
minh tu lấy, tự mình chứng lấy, mà tự mình biết mình
vậy. Biết rằng mình giữ vẹn được chân-tâm và mình
phật đạt về đức tính nào, tức mình là vị phật về đức
tính ấy ở thế gian này. Chứ thành phật không phải là
thành ra một giống quái gỡ khác hẳn mọi sự sống của
người đời như thế tục đã tưởng đâu.

--- « Đạo gốc ở tâm, tâm-pháp gốc ở chỗ không đư-
« trước điều gì tức gọi là vô trụ. Chính cái bản thể của
« tâm, cũng như cái chân-tướng của tính, nó vốn yên
« lặng chẳng phải nó là « có », cũng chẳng phải nó là
« không », nó không có sinh thêm ra, mà nó cũng chẳng
« có diệt đi hết. Minh tâm nó không thấy được nó, và bỏ
« nó nó vẫn theo liền với mình. Nếu chấp nệ nó ở chỗ
« hiện-tượng thì càng bối rối lẫn lộn. nhưng hiểu tới nó
« ở nơi chân tính thì tự tính thông sáng láng

« Dầu rằng tâm kia tức là phật, song chỉ người đã
« chứng tới mới hay.

« Sơ-gi, nếu cứ chấp-nệ cả về cái « có » thì cái « có »
« ấy nó cũng làm ngăn trở cho tri-tuệ, mà nếu liền-
« thoát cả về cái « không » thì cái « không » ấy nó cũng lại
« thêm làm sự suyễn cho tâm-hiền. Nói cho đúng, là chỉ
« cốt giữ lấy tâm mình không có một mảy gì vọng-niệm
« thì mới dứt dứt liết được mọi nghiệp trước sau.

« phải để cho chân tính độc lập, coi vạn-vật với ta

« không khác gì, phải biết mê với ngộ thường liền nhau,
« vọng với chân thường đối nhau, nếu không tự tìm lấy cái
« chân mà chỉ lo trừ cái vọng thì có khác gì kẻ chỉ lo trừ
« cái bóng của mình, còn như nếu lại nhận lấy cái vọng
« làm cái chân thì lại cũng như kẻ nhận lấy cái bóng làm
« cái thân của mình vậy.

« Vậy thì lẽ mình không nghĩ điều gì là vọng thì bao
« nhiêu vọng-niệm tự tiêu diệt đi, mà mình cứ việc chân
« chính mà làm thì mọi điều thiện hạnh tự đều nảy nở.

« Thế cho nên, phàm người nào đã thấu hiểu cái
« nghĩa tinh-lịch và hiểu một cách chân-thực thì người
« ấy ngoài coi dường như vô tri-thức, mà trong chính
« là người rất hoạt động vậy.

« Phàm người đã biết đem cái tâm tri-tuệ mà thường
« tinh-lịch kia để xét tìm lấy cái lẽ không với có nó
« thường hòa hợp ở trong, thì người ấy lòng không
« vướng víu ý không tham cầu, chẳng tranh danh mọi
« lẽ thị phi, chẳng câu-chấp đối đương năng sở 能所,
« chốn linh-dài thường trong lặng, hoa bát nhã tự
« nở nang.

« Tâm ai cũng lo làm việc Phật thì không một tâm ai
« má không phải là Phật-tâm, chốn nào cũng đều ngộ đạo
« thì không một hạt bụi nào mà không phải là Phật-quốc.

« Cho nên mới biết chân với vọng, vật với ngã đều do
« ở trong một tâm ta, mà Phật với chúng sinh cũng đều
« chung nhau một tâm ấy cả.

« Coi đồ thì, nếu hôn mê thì người ta phải tùy theo với
« sự vật, sự vật vô vàn khiến tri thức mọi người thành
« tạp loạn, còn nếu giác-ngộ thì sự vật phải tùy theo với
« người ta, người ta có thể đem cái thần tri đồng-nhất
« mà xét khắp được mọi cảnh giới của sự vật không sai.
« Đến bấy giờ thực là hết chỗ nói năng tư tưởng, còn
« có gì là nhân nào thừa trước với quả nào thừa sau.
« Bản thể của tâm người ta đều trong lặng, còn làm gì có

« kể họ thế này, người kia thế khác nữa.

• Tâm ta đến lúc bấy giờ, thật là không hư sáng láng,
• biết suốt cả mọi mối nhân duyên sinh diệt, cũng như cái
• gương pha lê kia nó soi thấy được cả các hình tướng
• mà tự nó vốn không-hư vô làm chẳng tự vị gì. »

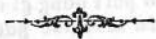
Đọc đoạn ngữ lục này, ta thấy được các Tồ Đổng độ ngày xưa, thực đã đều hiểu tới chỗ tối cao của đạo Phật, chỗ chân truyền của phái Thiền tông. Thiền tông là một phái học vấn cực rộng, suy xét cực nhiều, đối với sự vật ở thế gian đều hiểu thừa cái lẽ bản nhiên của nó.

Người ngộ đạo đã tới bậc ấy thì không còn chấp nệ điều gì, không còn trở ngại chỗ nào, lẽ gì cũng hiểu, việc gì cũng làm được, mà tự mình vẫn ung dung thư thái, dường như người không hề biết gì, không làm được gì. Bởi vì người ấy tự tình hồn nhiên thuần một lẽ trời trong sáng, công bình, quảng đại, bao hàm, không sự gì không biết mà biết một cách rất đùng, không việc gì không làm được mà làm một cách an nhiên vô sự. Chỉ lo cứu đời mà không chút vị kỷ hết tâm lực mà không hề công. Người ấy không phải là Phật thì ai, người ấy tức là những bậc chí thành chí-thánh của đạo Khổng đó. Coi đó biết cái chỗ tuyệt diệu của đạo Phật với chỗ tuyệt diệu của đạo Khổng cũng như nhau không khác gì.

Tu học tới bậc ấy mới là chân-chính Thiền-tông, mới nói là « liễu cả » được, mới nói là chỉ bằng ở một con tâm, không cần văn tự, ngôn thuyết được. Chừ những kẻ một chữ gì không hiểu mà vịnh gì cũng nói là « liễu », một nghĩa gì không hay mà cũng nói « không cần văn tự », thì thực là bọn lười bọn dối, mượn cơ ẩn thân. Thực là loài màu lặc trong Thiền môn vậy.

(còn nữa)

NG. TR. TH.



KINH BẠCH DỤ

BÀI DIỄN THUYẾT CỦA ÔNG ÔN-NHU NGUYỄN-
VĂN-NGỌC ĐỌC TẠI CHÙA QUÁN-SỨ

(Tiếp theo)

Thưa các ngài.

Chúng tôi kể đến đây, là được ngót hai mươi câu dụ, tưởng đã là nhiều rồi. Nhưng xin các ngài hãy gắng để ý nghe cho nắm bả câu nữa để ta cùng rõ quyền Bạch-dụ thực cũng lược nói đến nhiều phép tu-hành, giúp được ích cho người mộ đạo.

Ai là người tu-hành mà phá-giới, thì xin nghe câu dụ sau này :

BỌN ĂN TRỘM TRÁU

Vi như một bọn người ở thôn kia đi lấy trộm trâu về ăn thịt. Người chủ trâu sau dò biết, tìm đến tận nơi, gọi người trong thôn ra hỏi rằng :

- Các anh ở thôn này đã ăn trộm trâu có phải không ?
- Bọn kia chối : Chúng tôi thực không có thôn gì cả.
- Hỏi : Thôn các anh ở, có cái ao, các anh đã giết trâu cùng ăn với nhau ở trên bờ ao phải không ?
- Chối : Thực không có ao gì cả.
- Hỏi : Bên cạnh ao có cây to phải không ?
- Chối : Thực không có cây cối gì cả.
- Lại hỏi : Lúc trộm trâu, giết về phía đông phải không ?
- Vẫn chối : Chẳng có phía đông gì cả.

— Còn hỏi : Lúc trộm trâu có phải vào giữa ban trưa không ?

— Chối nữa : Chẳng có giữa trưa gì cả.

— Người chủ trâu bèn bảo rằng : Chối không có thôn, không có cây đã khó nghe rồi. Chớ đến chối không có phương đông, không có ban trưa, thì thực đủ biết các anh nói dối không sao tin được.

Bấy giờ bọn kia mới chịu không đáp trối nữa và nhận là có lấy trộm trâu.

Người phá-giới cũng thế. thôi, có khác gì bọn ăn trộm trâu này, mình phạm tội lỗi, tưởng khôn-ngoan che đậy được, nhưng đến lúc chết, sa vào địa-ngục, thì phỏng có sbe được mắt sáng-suốt của giới, của Phật không ?

Ai là người không chịu tu thiện, thì xin nghe câu dụ này :

NGƯỜI KÊU GIẢ TIỀNG UYÊN ƯƠNG

Xưa ở nước kia, đến ngày đại-hội ; bao nhiêu đàn bà con gái đều đua nhau gài một cành châm hoa bằng vàng trên đầu lấy làm đẹp lắm.

Có một nhà nợ, vợ bảo chồng rằng :

— Nếu anh kiếm được châm hoa cho tôi cài tóc, thì tôi mới còn là vợ anh, không thì tôi bỏ, tôi đi.

Người chồng không biết làm thế nào, nhưng may xưa nay được cái tài bắt chước tiếng uyên-ương kêu như bầy, mới định lên vào cửa ao nhà vua để dinh trộm châm hoa.

Vô-phúc, phải người giữ ao thấy trong ao động, liền hỏi rằng :

— Ai đó ?

— Người kia buột miệng đáp rằng : Tôi là uyên-ương đây.

Người giữ ao liền lùng bắt, đem nộp vua.

Khi đi đường, người kia lại giả làm uyên-ương cất tiếng kêu.

Người giữ ao hồ : Giả lúc trước cứ kêu tiếng uyên-ương, thì ai biết đâu mà bắt, bây giờ mới kêu, phỏng có ích gì !

Người nàu cũng vậy, suốt đời làm hại gây nên bao nhiêu ác nghiệp không chịu tu-lâm, luyện tính, làm những điều lành, kịp đến khi hấp-hối sắp chết mới nói : « Nay ta muốn làm điều thiện ». Nhưng nực tốt nó đã lồi cổ bắt xuống trước vua Diêm-la, thì còn tu thiện sao được nữa !

Ài tu-hành trễ-nãi, mà lại mong cầu được đạo quả, thì xin nghe câu này :

CÁI LẦU BA TỪNG

Xưa có một người giàu có, nhưng ngu-si không biết gì, một hôm, đến chơi một nhà giàu khác, thấy có cái nhà lầu ba tầng cao rộng, sáng-sủa, đẹp-đẽ, lịch-sự lắm.

Anh ta sinh ra thèm thuồng khao-khát bèn nghĩ bụng rằng : Ta, của cải không kém gì họ, sao ta lại chịu không làm được một cái lầu như thế này !

Rồi anh ta cho gọi thợ đến hỏi rằng :

-- Các bác có thể làm cho tôi được một cái nhà lầu cao đẹp như thế không ?

-- Thợ đáp : Được lắm. Cái nhà lầu kia trước cũng là tay chúng tôi làm.

-- Anh ta hỏi : Ừ, thế bây giờ làm cho tôi một cái như thế.

Thợ bèn bảo nhau đến đào đất, xẻ móng.

Người ngu thấy đào đất, xẻ móng, lấy làm hoài nghi, mới hỏi thợ rằng :

-- Các bác làm cái gì vậy ?

-- Thợ đáp : Chúng tôi làm cái lầu ba tầng.

-- Người ngu bảo : Ta không cần hai tầng dưới làm gì.

Ta chỉ muốn cái tầng trên cao nhất.

-- Đời nào lại thế được / không làm tầng dưới cùng, thì làm thế nào được tầng thứ hai ; không làm tầng thứ hai, thì làm thế nào được tầng thứ ba ?

-- Người ngu nhất định không nghe, cứ nói : Tôi đã bảo mà, tôi không dùng hai tầng dưới làm gì, tôi chỉ cần có một cái tầng thứ ba ở trên cao chút vớt thôi.

Thiên hạ nghe nói, ai cũng tức cười.

Ấy, từ bối đệ-tử của đức Thế-tôn không chịu tình-tố đến tu Kinh Tam-bảo, biếng nhác trễ-nải, mà lại muốn cầu đạo quả, nói luôn rằng : « Ta không dùng ba giới ở dưới làm gì, ta chỉ muốn được A-la-hán quả ngay thôi. » Nói như thế thì có khác gì người giàu lam nhà lâu, không muốn có tầng dưới, mà lại muốn có tầng trên ngay.

Ai nhận cái giàu sang là cái vui ở đời, thì xia nghe câu này :

NGƯỜI ĂN NỬA CHIẾC BÁNH

Vì như có người, nhân đang cơn đói, có bảy chiếc bánh ăn hết sáu chiếc, không thấy gì, khi ăn đến nửa chiếc thứ bảy, thì thấy trong bụng no. Anh ta lấy làm giận-dữ, tự lấy tay đánh vào mình, bảo rằng :

« Ta nay được no, là ở như nửa cái bánh này. Thế thì ra sáu cái bánh trước, ăn vào là mất toi cả. Giá ta biết chỉ ăn nửa cái bánh sau này mà đủ no, thì ta ăn nó trước có phải là được việc ngay không ! »

Người đời cũng thế, xưa nay vốn không có cái gì là vui cả. Chỉ vì ngu-si điên-đảo mà sinh ra cái vọng-tưởng có vui, cũng chẳng khác nào như kẻ ngộ đây, vì nửa cái bánh sau, mà sinh ra cái vọng-tưởng no vậy. — Người ta không biết gì, thường vẫn lấy cái giàu sang làm vui. nào có biết khi cầu cái giàu sang ấy khổ-khổ biết là bao ; khi đã được giàu-sang rồi, muốn giữ cho giàu sang mãi cũng là khổ lắm ; mà về sau, cái giàu sang vẫn mất, sinh ra lo phiền

thì lại còn là khổ nữa. Vậy trong ba thời-kỳ : cầu giàu sang, giữ giàu sang, mất giàu sang vốn đều không có gì gọi là vui cả. Cho nên chư Phật có nói rằng :

« Tam-giới đều không yên, Vẫn là khổn-khổ lắm, Kể gì ăn
« phu mê-hoặc, Tướng xằng là có vui »

Câu thí-dụ dưới đây thì giúp cho ta hiểu được cái nhẽ
« vô thường » ở đời :

HAI VỢ CHỒNG CHIM BỒ CẦU

Xưa có hai vợ chồng con chim bồ-câu cùng ở một tổ.
Mùa thu, quả chín, hai vợ chồng cùng đi kiếm quả đem về
chứa đầy tổ.

Về sau quả nó khô hết, chỉ còn độ nửa tổ, chim đực
giận-dữ bảo chim cái rằng :

-- Tao với mày cùng đi kiếm quả khó nhọc bao nhiêu,
bây giờ mày nở ăn một mình hết mất gần nửa rồi.

Chim cái đáp : Nào tôi có ăn một mình đâu ! quả nó
ngọt đi làm sao ấy.

-- Chim đực không tin, lại càng giận-dữ nằng nẵng : Nếu
không phải mày ăn, thì quả nó ngọt đi đâu nào được

Nói xong, lấy mỏ mổ chim cái, làm cho chim cái phải bỏ
mạng.

Cách đó ít lâu, một hôm trời mưa to, quả thấm nước
mưa, chường to ra, tổ lại đầy như trước.

Chim đực bấy giờ trong lòng mới hối rằng :

« Vợ ta thật nó không ăn quả. Ta giết nó chết oan
rồi ! »

Rồi kêu gào gọi vợ, nhưng nào còn thấy đâu nữa !

Kẻ phàm-phu cũng vậy, mơ-màng điên-đảo, càn-dĩ
muốn vui, không xét đến sự « vô-thường ». Đến khi phạm
vào tội lỗi, dù có hối cũng không còn kịp, thì có khác gì
con chim ngu đây than-thở áo-não mà có ích chi !

Câu thí-dụ sau đây thì dạy cho ta ở đời phải biết cái
nhẽ « Thời » « Phi thời » như thế nào.

NGƯỜI TRANH GI NƯỚC BỌT

Xưa có ông trưởng-giả giàu có lắm, kẻ hầu người hạ xu-
nịnh cung-kính rất mực. Ông ta phải có cái tính hay nhỏ vặt,
những kẻ hầu-hạ, hề thấy ông nhỏ bĩ nào là vội lấy chân
gi để được lòng ông. Trong bọn có một người không được
cái hạnh-phúc gì bao giờ cả, mới nghĩ bụng rằng :

« Chúng nó đời khi ông ấy nhỏ rồi mới gi. Ta phải liệu
gi trước mới được. »

Nghĩ vậy, một bận anh ta vừa thấy ông kia còn đang khạc
trong cuống-họng, thì đã vội hất chân lên mồm ông ta, làm
thế nào đến nỗi ông ta vêu cả mép, sứt cả răng.

-- Ông Trưởng-giả, giận lắm, bảo rằng : sao mày lại đá
vào mồm tao thế ?

-- Người ngu đáp : Mọi bận cứ đời ông nhỏ xuống đất
thì bọn kia nó mau chân gi tranh mất cả, tôi muốn gi cũng
không sao kịp. Nên tôi phải đưa chân gi ngay tự lúc ông
còn khạc trong cuống họng cốt để được lòng ông.

Phàm việc gì cũng thế, phải biết có Thời. Thời nó chưa
đến, cứ miễn-cưỡng làm lấy được, việc đã chẳng nên, lại
còn sinh ra bao nhiêu điều khỗ-nỗ. Nên người đời phải
biết cái nhẽ « Thời » với « Phi thời » mới được.

Còn câu thí-dụ sau nữa đây, thì cốt ý dạy ta phải thương;
yêu đùm bọc lấy nhau bao nhiêu người cũng như một vậy

NHÀ CÓ MA

Xưa có một cái nhà bỏ không, ai nấy đều sợ không dám
đến gần, vì tương truyền rằng nhà có ma.

Một hôm, có một người tự nhận là can đảm nói rằng
« Ta thử vào ở cái nhà ấy một đêm xem sao ».
Nói rồi, đêm đến, anh ta vào trong cái nhà ấy thật.

Một lúc sau, lại có người nữa cũng tự nhận là cau-
dâm không ai bằng, đến nói rằng :

« Thiên-hạ cứ đồn rằng cái nhà này có quỷ. Ta hãy thử
vào xem thế nào. »

Nói rồi, anh ta đẩy cửa vào thật.

Anh trước nghe tiếng, tưởng là quỷ đến, chạy xô lại.
Anh sau thấy anh trước ra ngõ là ma, chạy xông vào. Rồi
hai anh khua chân khua tay đánh nhau.

Đánh mãi cho kỳ đến lúc giời sáng, nhìn thấy nhau, mới
biết không phải là ma quỷ gì cả, chỉ là người với người
thôi.

Bao nhiêu người đời cũng vậy, chẳng khác gì hai người
trong câu dụ này, thường hay sinh truyện thị-phi tranh
danh lẫn nhau, tưởng chỉ có ta đây, nào có hay chốn đời
là chốn không có tề-chủ. chẳng qua chỉ là cái nhân-duyển
tam bội-hợp lại một chốc, một nhát mà thôi !... Như vậy
thì có nên ghen ghét nhau không, hay nên đùm bọc thương
yêu lấy nhau mà thôi ?... (Còn nữa)



TIN ĐẠO NÊN CẦN HỌC ĐẠO

*Đạo Phật tự đời quá khứ bấy đức Phật Thế-tôn
đến đức Phật Thích-ca sinh ở nước trung Ấn-độ, truyền
28 lữ nước lâu, 6 lữ nước Nam, lấy từ bi, bác-át, mà
khuyến hóa chúng-sinh ; Gần đời nay đạo Phật hoặc
thịnh, hoặc suy, không được như ngày trước đại thịnh,
là lại bỏ mà không làm, hoặc làm mà không đúng, thật nên
tiếc lắm ! Ôi ! Phật linh sẵn ở trong lòng chúng sinh,
trước sau không khác, sao mà ngày nay chúng sinh tham,
sân, si, ít người chịu học vấn tu hành, so với những bậc
tu-hành thừa trước xa cách như trên gò dưới đất, xét
ra lỗi đó ở ai ? Là một phần cũng bởi ở những bậc*

thiện tri thức. Nếu bậc thiện tri thức biết cái trách nhiệm
giấy bảo ấy là gánh nặng của mình mà chặm giấy bảo
cho đoàn hậu học thời đạo Phật chắc lại có một ngày
đại thịnh, mà nhân quần xã-hội được đội ơn lợi lạc vô
cùng. Muốn chấn hưng Phật-giáo thời cần phải có trường
học, mà những bậc hậu tiến nên theo học cho siêng ;
nhưng bậc ấy là cốt yếu ở lòng tin đạo mà tin đạo cốt
yếu ở đềm ngày noihiên ngắm ba tạng của Phật là
để lại cho ta. Ta nên biết rằng : Phật là chưa sinh,
đạo ở giới đất, Phật là đã sinh, đạo ở Phật-là, Phật là
đã qua, đạo ở ba tạng (Kinh, Luật, Luận) ; ba tạng là dấu
vết tu hành của các Phật là chứng thành chín quả, nếu
không hiểu tam tạng thời lòng chúng sinh bất chính, mà
những ngoại đạo tà thuyết nó che lấp mắt cả chân tâm,
muốn mong Phật quả, há dễ được ru ?

Mong rằng hội chung ương Hanoi, và các hội Địa-
phương lập trường-học giáo hóa nậu sinh, sao cho sáo-
thông ba-tạng. Ba-tạng sang như mặt trời ngôi sao,
ngang giọc giới đất, suốt hết xưa nay, rộng mở khắp sáu
cõi, thu hẹp lại một ly, học ba-tạng thời thân-tu, làm
ba tạng thời gia-tê quốc-trị, cho nên các Phật-là thị hiện
ra đời trước hết lấy ba-tạng mà giáo hóa chúng sinh,
đời quá khứ các đức Phật lấy kinh mà giấy bảo, đức
Ba-ly lấy luật mà nghiêm răn, các tổ sư lấy luận mà diễn
giảng.

Than ôi ! Đạo Phật không thịnh hành, chúng - sinh
kém tin ngưỡng là bởi Phật-học ít truyền, tăng-giới ít
bực thiện tri thức.

Nay giới đã diêm hóa cho những bậc thiện tri thức,
Phật-là lấy sự giáo-dục đem uỷ thác những bậc thiện tri
thức ; ta tri thức nở đễ người ám mọi hôn mônng ;
phải lấy điều mình hiểu trước hiểu người sau, tự độ và
độ cả cho người, đó là cái trách nhiệm của bậc thiện
tri thức vậy.

Xin tiếp theo một bài kệ nói về bậc thiện tri-thức rằng:
Vi khiến dầu đời Phật muốn kiếp,
Thân làm giương ngời khắp Tam-thiên,
Chẳng đem ba tạng giấy chúng sinh,
Sao hay đến giả ân đức Phật,

THANH-VẤN

Trụ-trì chùa Quang-phổ — Hưng-Yên

MỪNG BÁO ĐUỐC - TUỆ

MUỖU

Nam mô giáo chủ Sa bà,
Truyền lâm ấn lại cho ta đời đời.
Mừng rằng: sẵn đuốc ta soi,
Đường ngay lối thẳng hẹp hòi gì đâu.

NÓI

Quang minh tuệ chúc,
Hắn từ nay đến lúc trùng quang,
Dẫn lên ngàn giác khỏi mơ màng,
Mà bề khổ cũng đưa sang cho tới bến.
Nhất niệm nam mô thiên vạn biển,
Bất như kiến tính dữ mình tâm,
Tam đồ muốn tránh vẫn đi lầm,
Nhờ đã có chỉ nam châm là «Đuốc tuệ».
Ngồi nghĩ lại đời Trần sao thịnh thế.
Suy thời suy còn kể thế hương đăng,
Làm cho sáng tỏ hơn giảng

Nguyễn-Hữu-Định

Tú-lài, Xã Hào-xá Thanh-hà Hải dương

M ỪNG HỘI PHẬT-GIÁO

(Chùa đông xã An-khang)

Quả phúc về thành để hưởng chung,
An-khang phật-giáo hội chùa đông.
Nữ-nam đồng ấu câu kinh thuộc.
Thiện tin nhân dân việc đạo sùng.
Hai cánh bướm từ đương mở rộng.
Một con đường giác kéo đi đông.
Mong sao giọt nước dương chi khắp
Cho lũ hôn mê chóng tỉnh lòng

VỊNH CÂY PHƯỚC

Cây phước treo cao cửa Phật đài.
Phân minh biểu hiệu chốn thuyền-trai.
Giữ gìn ba đức giống nêu thẳng.
Phổ độ muôn sinh kéo giải giải,
Sức địch chẳng lay cơn gió dật.
Mầu từ không lạt lúc mưa giai.
Bảo nhau tránh thoát vòng phiền nã
Dưới bóng bồ-đề có hẹp ai.

CÁI CHUÔNG CHÙA

Từ thừa lên trên các thượng này.
Khắp vùng biết tiếng mãi lâu nay
Boong boong giúp động trào âm lớn,
Sang sáng hòa cung phạm nhạc hay.

Tỉnh mộng mấy hồi vang dáo bắc
Độ sinh ba tiếng giầy gởi tây
Tham sân ai kẻ còn mơ giấc
Cây sức Như-lai giáng ít chày

Hữu-Dinh Nguyễn-hữu-Bồng

KINH TỘI-NHIỆP-BẢO ỨNG GIÁO HÓA ĐỊA NGỤC

« DỊCH RA QUỐC-VĂN »

Lời mở đầu :

Lâu nay các nhà học-giả nước ta, đều cho thuyết địa-ngục của Phật-giáo cũng như các tôn-giáo khác, chẳng qua là suy rộng cái thuyết « trừng ác » mà đặt ra thuyết « địa-ngục báo ứng » để cho tín đồ kính phục, tránh họa mà chừa ác đó thôi. Có biết đâu chữ Phật của tiếng phạm, tức là chữ giác của nhà nho ; giáo của ngài tuy gồm có tinh cách tôn-giáo, mà chính là giác-học suốt cả thế-gian và xuất thế gian, trong 84000 pháp - môa ngài thuyết ra pháp gì đều hiện rõ thực-tướng và nói đúng chân-lý cả, tức như kinh « Tội nghiệp báo ứng giáo-hóa địa-ngục » tôi dịch ra quốc văn để công-bố thập phương đây, là Phật ngài phóng hào-quang cho chúng trông thấy đích cái thực-tướng của địa ngục, gọi cho đức Tấn-tướng, tin đích cái thực-tướng, rồi tâm-lòng đại-bị, mà phát ra nhời hỏi, rồi ngài mới nói rõ nghiệp báo cho chúng hay cái chân-lý nhiệm mầu, mà may không sót, thế mới biết những thuyết địa-ngục của Phật-giáo có phải là huyền-không soạn-xuất như những thuyết địa-ngục của các giáo khác đâu. Giám khuyên thiện-tín mười phương, sớm hôm tri-tụng, nếu hay miệng đọc lòng suy, coi đó làm bài minh cảnh-tĩnh, thì dầu sinh ở đời tượng-quý này, mà cái chân-lý và thực-tướng của thuyết địa-ngục cũng thấu hiểu rõ ràng, chẳng khác gì thân sinh đời Phật, dự hội Kỳ-sà vậy.

Một khi Phật ở trong núi Kỳ-sà thuộc thành Vương-số, cùng với Bồ-tát ma-ha-tát, Thanh-văn duyên-giác, lại cùng những chúng tỉ-khưu, tỉ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, và những giới, rồng, quý, thần, đều lại tập cả.

Bấy giờ đức Thế-tôn phóng ngay ánh-sáng tia trắng khoảng mi, chiếu khắp vô số thế-giới mười phương, các địa-ngục nghĩ cả, sự đau khổ yên lành.

Bấy giờ hết thấy chúng-sinh chịu tội theo ánh sáng ấy tìm đến nơi Phật diễu quanh 7 lượt, chỉ làm làm lễ. Khuyến thỉnh thế-tôn, dạy rõ đạo-pháp, cho những chúng-sinh được nhờ giải thoát.

Bấy giờ đức Thế-tôn lại phóng ánh sáng tia trắng khoảng mi, chiếu khắp hết thấy chúng sinh 6 đạo. Bồ-tát Tấn-trương, vì thương chúng-sinh, liền đứng ngay giữa, tới trước nơi Phật, đón quý chấp tay, rồi bạch Phật rằng :

1° Thế-tôn, nay có chúng-sinh, bị kẻ cai-quản xẻ dọ: thân thể, từ chân đến đầu, vừa mới xẻ xong, gió thổi lại sống, sống lại xẻ nữa, chịu báo khổ ấy chả bao giờ thôi tội gì đến thế ?

Phật nói : những chúng-sinh ấy, vì tội đời trước, không tin tam-bảo, không biết cúng dàng, không hiếu cha mẹ, nổi lòng ác nghịch, làm nghề tể sát, giết hại chúng sinh, bởi nhân duyên ấy, nên phải tội ấy.

2° Lại có chúng-sinh, thân thể lỗ sùi, mảy râu rụng chụi, suốt mình chượng nứt, phải lánh xa người, như loài diều lộc, thân thích bỏ lìa, chả ai nhìn đến, ác báo như thế, gọi là bệnh lậu, bởi nhân-duyên gì mà bị tội ấy ?

Phật nói : Vì từ đời trước, không tin tam-bảo, chẳng hiếu xong thân, phá hại tháp chùa, cướp lột người đạo, đảu bản thánh-hiền, tàn hại sư trưởng, bội ơn quẻo nghĩa, chả chịu báo đền, bởi nhân-duyên ấy, nên phải tội ấy.

3° Lại có chúng-sinh, thân hình dài rộng, mà cụt không chân, đi lẩn bằng bụng, chỉ ăn đất bùn, để nuôi miệng sống,

bị những trùng nhỏ bâu cắn thọt mình, ngày đêm chịu khổ, chẳng bao giờ thôi, tội gì mà thế ?

Phật nói : Vì từ đời trước làm người tự đắc, không tin nơi phải, không biết cha mẹ, ngang trái đảo-diêu, hoặc làm chúa-tể, hay làm đại-thần, trấn-trị châu-quận, trường quản chức quyền, cậy uy cậy thế, lấy cướp của dân, hay làm vô-lý, chớ dân khổ cùng, bởi nhân-duyên ấy, nên phải tội ấy.

4. Lại có chúng-sinh, hai mắt lạc tinh, mở không trông thấy, hoặc đâm vào cây, lâu khe, thọt lỗ, hỏi thế chết rồi lại phải thụ thân, đã được sinh rồi, lại phải chịu thế, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi từ đời trước, không tin tội phúc, che ánh sáng Phật, làm tối mắt người, như hãm chúng-sinh, đầu bị thừ da, không trông gì được, bởi nhân-duyên ấy, nên phải tội ấy.

5. Lại có chúng-sinh, Cầm ngọc ngáp ngừng, miệng không nói sõi, nếu muốn nói gì, không tỏ ý được, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi từ đời trước, đem ché tam-bảo, khinh nhờn đạo thánh, chỉ hay bình-phẩm hay giờ của người, cướp vu lương thiên, ghen ghét người hiền, bởi nhân-duyên ấy, nên phải tội ấy.

6. Lại có chúng-sinh, bụng to cổ nhỏ, ăn nuốt không chối, nếu có ăn gì, biến ra máu mủ, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi từ đời trước, lấy trộm của công, hoặc vì đại hội, bày biện cỗ bàn, lấy riêng vùng gạo, ăn vùng một nơi, của mình thì kiệt, của người thì tham, dụng kẻ tham ác. Gico đọc cho người, khi tức không thông, nên phải tội ấy.

7. Lại có chúng-sinh, bị kẻ giam giữ, họ đem thui đốt, sắt lỏng rội mình, danh sắt đóng vào, vừa đóng vào xong tự nhiên phun lửa, đốt cháy cả mình, đều bỗng phỏng cả, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi từ đời trước, làm thầy trăm trich, hại thân thể người, mà không khỏi bệnh, giới người lấy của, cho người đau xót, nên phải tội ấy.

8. Lại có chúng-sinh, thương ở trong vạc, những kẻ đầu trâu, tay cầm gạc sắt, chặn ở trong vạc, nhìn cho nát rừ, lại thôi cho sống, rồi lại nấu ninh, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi từ đời trước, chém giết chúng-sinh, cắt tiết rồ lông, không có hạn lượng, bởi nghiệp ác ấy, nên phải tội ấy.

9. Lại có chúng-sinh, ở trong thành lửa, đốt cả thân tâm, bốn cửa dầu mỡ, đến nơi thì đóng, chạy đông, chạy tây, không thể ra được, bị lửa cháy hết, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi từ đời trước, đốt cháy núi chằm, thui nướng trứng gà, cho những chúng-sinh, nóng bỏng mà chết, bởi nhân-duyên ấy, nên phải tội ấy.

10. Lại có chúng-sinh, thường ở núi Tuyết, bị gió lạnh thổi, sẽ lột thịt da, cầu chết chẳng được, cầu sống không xong, khổ sở muôn phần, không thể chịu nổi, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi từ đời trước, làm giặc chặn đường, bóc lột người ta, mưu lấy lợi mình, khi mùa đông giá, làm người chết rét, và lột trần dê, khổ đau khôn nhẫn, bởi nhân duyên ấy, nên phải tội ấy.

11. Lại có chúng-sinh, thường ở trên núi đao, cây kiếm, nếu vợ vú gi, liền bị chặt chém, chỉ tiết dòi ra, khổ độc chua cay, không thể nhẫn được, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi vì đời trước, làm nghề đồ tể, giết hại chúng sinh, banh mỡ sẽ lột, xương thịt lia tan, dầu chân phân tán, bởi nhân duyên ấy, nên phải tội ấy.

12. Lại có chúng-sinh, nắm cựa không đủ, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi từ đời trước, dùng ưng và chó, săn bắn chim muông, hoặc làm vỡ đầu, hoặc làm gãy chân, hoặc liệt cả cánh, cho phải khổ đau, bởi nghiệp ác ấy, nên phải tội ấy.

Lại có chúng-sinh, khuyển, khỉ, cồng, uối, dặt dẹo chân tay, không đi làm được, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi vì đời trước, làm người thâm khắc, cắm đầu đường đi, hoặc bắn đạn, hoặc đào hầm, và đánh dò nũa, hãm hại chúng-sinh, vì nghiệp ác ấy, nên phải tội ấy.

14. Lại có chúng-sinh, bị kẻ cai quản trói buộc gông cùm, thân mình khổn khổ, mãi chẳng được tha, tội gì mà thế?

Phật nói ; bởi từ đời trước, chẳng lười bắt vật, hãm đốt chúng-sinh, hoặc làm quan lại, tham lấy của dân, buộc oan lương thiện, không được thân oan, bởi nghiệp ác ấy, nên phải tội ấy.

15. Lại có chúng-sinh, hoặc điên, hoặc ngầy, hoặc cuồng, hoặc dại, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi từ đời trước, say rượu mê man, phạm 36 lỗi, bởi nghiệp ác ấy, nên phải tội ấy.

16. Lại có chúng-sinh, thân bình lùn bé, âm-tạng rất to, đeo đi khúm núm, nhẹ mệt loay hoay, đi, đứng, nằm, ngồi, lấy làm khổn khổ, tội gì mà thế ?

Phật nói : bởi từ đời trước, làm nghề bán buôn, tự quý của mình, dèm của người khác, dạn dối đấu cân, trước khác, sau khác, bởi nghiệp ác ấy, nên phải tội ấy.

17. Lại có chúng-sinh, bình cực xấu xí, da đen như sơn, hai tai xanh sẫm, môi lại cong đều, mặt dùi, mũi tẹt, hai mắt đỏ vàng, răng nanh thưa khuyết, hơi mồm bần thiêu, phù thũng thấp lùn, bụng to, hông thót, dặt dẹo chân tay, tội gì mà thế ?

Phật nói ; làm con không hiếu, làm tôi không trung, làm người trên không yêu kẻ dưới, làm kẻ dưới không kính người trên, bè bạn không giữ lòng tin, làng mạc không theo nề phải, ở triều không giữ bổn phận, làm việc không hợp lý công, bụng dạ đảo-điên, không có kỷ

hạn, giết hại vua tôi, khinh nhờn tôn-trưởng, hại nước cướp dân, tôn mình khinh người, lấn kẻ có lỗi, dèm bực hiềm lánh, khinh người sư trưởng, lựa kẻ hèn hạ, vì nhiều nghiệp báo, nên phải tội ấy.

Bấy giờ những kẻ có tội, nghe Phật Thế-tôn nói rõ như thế, kêu khóc động đất, nước mắt như mưa mà bạch Phật rằng ; Dám xin Thế-tôn, ở lâu nói pháp, dạy bảo chúng con cho được giải thoát.

Phật nói : nếu ta ở lâu trong cõi đời này, những kẻ bạc phúc, không giống gốc thiện, cạy rằng ta còn ở lâu, không nghĩ đến sự vô-thường, tạo những gốc ác vô lượng, sau mới nghĩ lại, hối không thể kịp. Thiện-nam-tử, ví như trẻ thơ, thương ở bên mẹ, đối với mẹ không có lòng mong quá gặp, nếu mẹ đi rồi, thì phải sinh lòng khát mong nhớ mến, mẹ mà giờ lại hẳn có bụng mừng.

Bấy giờ đức Thế-tôn đối với chúng-sinh có tội mà nói rằng:

Dòng nước nọ thường không đầy mãi,

Lửa nòng kia cũng cháy cả lâu,

Mặt giới mực rồi sau cũng lặn,

Mặt giếng kia cũng chẳng thường đầy,

Hào quý lớn vinh nay như ởng ấy,

Nạn vô-thường rồi thấy qua ngay,

Chăm linh tiến từ nay chẳng chể,

Khuyến cùng nhau định lễ chí-tôn,

Bấy giờ Thế-tôn nói kệ ấy rồi, những kẻ có tội ngậm ngùi bạch Phật rằng : Thế-tôn, hết thấy chúng-sinh làm nết thiện gì, được khỏi khổ ấy ?

Phật nói : Thiện-nam-tử, nên chăm hiếu nuôi cha mẹ, kính thờ sư-trưởng, quý tôn tam-bảo, chăm làm bố-thí, trì giới, nhần-nhục, tinh-tiến, thuyên-định, tri-tuệ, từ bi hỉ xả, ơn oán thẳng băng, không coi cách biệt, không lừa có lỗi, không khinh nghèo hèn, coi người như mình, không khởi niệm ác, các người nếu hay tu hành như thế, thì là

đã báo được sự của Phật, xa hẳn tam-dồ, không khổ lắm nữa.

Phật nói kinh ấy rồi, bỏ tát ma-ha-tát, được ngay A-nỗc đa-la-tam-diệu-tam-bồ-đề, thanh-văn, duyên-giác, được ngay 3 minh, 6 thông, đủ 8 giải thoát, còn những chúng khác được mất pháp tịnh. Nếu chúng-sinh nào, được nghe kinh này, không dựa vào nơi tam-dồ, bát nạ n, cõi ngục nghĩ ngơi, sự khổ yên ổn.

Bồ-tát Tấn-tướng bạch Phật rằng : Thế-tôn, nên đặt tên kinh này là gì ? Bồ-tát ma-ha-tát phụng tri thế nào ?

Phật bảo Bồ-tát Tấn-tướng : thiện-nam-lữ, kinh này gọi là « Tội nghiệp báo ứng giáo hóa địa ngục », người nên phụng tri, truyền khắp mọi nơi, công đức vô-lượng. Khi ấy đại chúng nghe nói pháp, một lòng vui vẻ phụng hành.

BÀI CHÚ PHÁ ĐỊA NGỤC

Án, đà ra đễ đa, sa bà ha. (đọc 3 lượt)

Nam mô Bản-sư-Thích Ca mâu-ni Phật (3 lượt)

Nam mô Tấn-tướng bồ-tát ma ha tát (3 lượt)

Viết mành NGUYỄN-THƯỢNG-CĂN phụng dịch

PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

佛學辭典輯要

Bát-vạn-tuế 八萬歲, - Tức là bát-vạn-tứ-thiên-tuế (tám vạn bốn nghìn tuổi) mà nói tắt. Nguyên Tây-trúc lấy tám vạn bốn nghìn làm một số nhiều. Khi nói số nào nhiều thường dùng đến. Trong số thọ mệnh người ta, tám vạn bốn nghìn tuổi là tràng thọ, mà mười tuổi là rất đoản mệnh.

Bát-vạn thập-nhị - 萬十二, - Là bát-vạn tứ-thiên pháp môn và thập nhị bộ kinh

Bát-diệp liên-hoa 八葉蓮華, - Hoa sen tám cánh là hoa không lớn không nhỏ vừa độ, nên đạo Phật lấy làm huy hiệu. Lại về phái Mật-tông gọi nũi Tu di cũng là Liên-hoa bát-diệp.

Bát-diệp liên-đài - 葉蓮臺. - Thai-tạng-giới 胎藏界 thờ chư Phật trên một cái đài liên-hoa, giữa là Đức Đại-nhật, còn tám cánh ở bốn phương thì bốn vị Phật là đức Bảo-sinh 寶生, đức Khai-phu hoa-vương 開敷華王, đức Vô-lượng thọ 無量壽 và đức Thiên-cổ lôi-âm 天鼓雷音. Bốn vị bồ-tát là Phổ-hiền, Văn-thù, Quán-âm và Di-lặc. Thế tức là Bát-diệp cửu-tôn - - 九尊 hay là Bát-diệp Trung-đài - - 中臺.

Bát-diệp nhục-đoàn-tâm - - 肉團心 Phái Mật-tông cho cái tâm nhục-đoàn của người ta là cái hoa sen cúp, nếu biết tu quán phép du-già 瑜珈 thì tám ấy nở ra tám cánh, cũng đủ ngôi giữa và tám ngôi ngoài là Cửu-tôn.

Bát-diệp liên-hoa quán - - 蓮華觀. - Sách Đại-nhật kinh số 大日經疏 nói : « Tâm người ta là cái nhục-tâm phàm-phu, nhưng nó tức là cái nhân liên-hoa tam-muội đó, vì người ta dễ phiền-não bó-buộc nó lại mà không nở ra được, vậy phải học phép quán tưởng về tâm ấy mà tu trì cho nó nở đầy đủ ra, thành cái tâm bát-diệp liên-hoa. Sách Tây kinh : Tam cánh hoa sen của tâm ấy là : bốn phương chính chỉ Tứ-nhiếp 四攝 (xem điều ấy). bốn góc chỉ Tứ-trí của Như-lai (xem điều ấy). Hoa này bản lại vô-sinh, tức là bồ-đề tám, nhất-thiết pháp-môn đều do tâm này mà ra.

Bát vô-ngại - 無礙. - Sáu thức trong thập bát giới 十八界. Ý thức trong lục căn 六根 và pháp giới trong lục cảnh 六境 là tám phép không chướng ngại.

Bát thánh - 聖. -- Từ hương, từ quả của Thanh-văn thừa.

Bát-thánh-đạo - 聖道. -- Cinq là bát-chính-đạo, kinh

A-di-dà nói: Thất-bồ-đề phận bát chiểu đạo phận.

Bát-ue - 鉢. -- Tám điều uế hạnh của vị Tỳ-khưu: 1. Tậu ruộng mua nhà, 2. Cấy lúa trồng vườn, 3. Trứa đẽ thóc lúa, 4. Nuôi lợn nòi, 5. Trăn nuôi súc vật, 6. Tàng trữ vàng bạc châu báu, 7. Trứa đẽ những đồ chơi trom cỗ bằng ngọc ngà, vàng bạc, 8. Xăm những sanh, nôi bằng đồng gang đẽ nấu ăn riêng: Vì Tỳ-khưu là người còn theo chúng tu học, còn phải luyện tập tinh thanh cao và khác khồ, mà lia chúng mưu đồ những sự lợi lộc, tưởi biếng, ầu riêng như thế đều là hạnh bất tịnh cả.

Bát-trai - giới - 齋戒. - Tức là bát - giới-trai - 戒齋. Xem điển tiếng ấy.

Bát-ti-tiên - 臂天. -- Thiên thần tám cánh tay, tức là vị Tiên-thần Đa-la-duyên 那羅延天.

Bát-thức - 識. -- Phái Pháp-tướng tông 法相宗 lấy sáu thức là nhỡn 眼, nỡi 耳, tị 鼻, thiết 舌, thân 身 ý 意 cùng với mặt-na-thức 末那識 và a-lại-gia-thức 阿賴那識 là tám thức. Mặt-na nghĩa là ngã-tráp 我執, hay là câu tráp cái ý kiến của mình. A-lại-gia nghĩa là tàng, là trứa đẽ mọi pháp trong thế-gian, cũng gọi là như-lai-tông. Từ thế-lực gọi là thần-thức, linh-tinh đều là thức này.

Bát-thức tâm-vương - 識心王. -- Bản-thể của thức gọi là tâm-vương, tám thức đều có tâm-vương và tâm-sở. Tâm sở là những cái do thức ứng dụng ra sức thụ, tưởng vãn vãn, đều là một vật sở-hữu của tám nên gọi là tâm sở-hữu.

Bát-nạn - 難. -- Tám cái phải báo sinh: 1. Địa ngục, 2. Ngã quỷ, 3. Súc sinh, 4. Uất đản việt 鬱單越 (câu Bắc câu tr), 5. Cõi tràng thọ thiên 長壽天, 6. Điểu, mù, cảm ngony, 7. Những cái trí-khôn về thế-lực như là hay biện thuyết lém lấu, 8. Sinh trước hay là sau đời Phật không được trông thấy Phật và nghe pháp.

(còn nữa)

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ-CỔ

Ban Đại Lý Thanh-Hà

Sư cụ Đạo-sư tên là Ngô-văn-Khôi, đạo hiệu Từ-Ân, trụ-trì chùa Duyên-khánh, xã Thổ-hoàng, phủ Ân-thị Hưng-yên, đã thị-tịch ngày 12 tháng bảy ta, chi hội bốn tỉnh đi đưa đám Ngải rất là long-trọng.

Sư cụ Đê-văn-Ứng, tự Quang-Thống, làm đại-lý chi hội Phật-Giáo Văn-lâm, trụ-trì chùa Tịnh-xá, huyện Văn-lâm Hưng-yên, đã viê-tịch ngày 24 tháng bảy Annam, chi hội bốn tỉnh đi đưa đám Ngải rất long-trọng. Tại hội-quán Trung-Uơng chùa Quán-sứ lại có thiết lập trai đàn cúng siêu độ cho Ngải nữa.

Nguyễn-thị-Riễn, 91 tuổi trú quán xã Đông-phan, huyện Thanh-hà, sinh quán xã Cúc-bồ, phủ Ninh-giang, tỉnh Hải-dương viên tịch ngày 2-7-36.

Bà Mạc-thị-Ruộng, 78 tuổi, xã Hào-xá, huyện Thanh-hà, viên tịch ngày 16-7-36.

Ông Bùi-hữu-Căn, 61 tuổi, xã Phương-la Thanh-hà, viên tịch ngày 30-8-36.

Bà Hoàng-thị-Lai, 63 tuổi, làng Quĩ-đê, huyện Trục-ninh Namđịnh.

Chi Hội Phật-Giáo Thanh-Hà (Hải-Dương)

Đám tang ông Vĩnh-viễn Hội-viên. — Ông vĩnh viên hội viên Phạm-văn-Hồ, xã Kim-c , Thanh-hà, viên tịch ngày 7-7-36, đến 41 thì làm lễ an táng. Hai ban Hộ-niệm tăng tục, ban đồng ấu và hội viên trong Hội đem lễ đến phùng viếng cùng đi đưa đám rất đông, có đủ cả nghi lễ: cờ-hiệu, chàng-phan, bảo-cái, tuyết-mao v.v.. Ông Tú Nguyễn-văn-Định thu-ký địa phương Thanh-hà đọc diếu-văn nói về nghĩa đồng đạo liên lạc khi tương biệt thật là cảm kích và chia buồn cùng tang gia.

CÙNG CÁC VỊ TÂN THẦN KINH ĐỊA - TẠNG

Có nhiều vị viết thư về mua Kinh Địa-Tạng, muốn lấy ngay, đó là các vị chưa kịp xem rõ lời đăng trong báo. Kinh Địa-tạng chúng tôi đang in, chừng sang tháng chạp hay tháng mười ta mới in xong được. Thư của các vị gửi về, chúng tôi cứ ghi vào sổ, khi in xong chúng tôi xin gửi đi ngay.

Giá đặt Kinh ngoài tháng bày ta :

Đóng thường	0\$80
Đóng kỹ	1\$00
Cước	0\$15

(1) CHIÊU MỘ NHẬT TẠNG Vừa mới in xong

Một bộ nhật-tạng gồm hai khóa sáng khóa lối, có đủ Đại bi thập chú, có cả đường xám Huân tu, Mông sơn thí thực, Cảnh sách, Thịnh chuông, tự tu tự độ, hồi hướng độ vong. Lại có cả kinh Vô-thường giải thoát cho người ốm khổ, có kinh Quán vô lượng Thọ đề nguyện tới Tây phương. Sách in chữ Nho kèm Quốc-ngữ, dưới có dịch nghĩa kỹ càng. Ai biết Quốc-ngữ cũng tụng được lễ được, lại hiểu được tới chỗ tinh thần trong khóa lễ, thực là một bộ Nhật-tạng rất hoàn bị.

Giá: Đóng thường 0\$80
Đóng kỹ 1\$00
Ma vàng 1\$20
Cước gửi 0\$10

Sách dày ngót 200 trang.

(2) KINH ĐƯỢC-SƯ

In cả chữ Nho kèm Quốc-ngữ. ai tụng cũng được lợi lạc. Giá bán 0\$40. Từ nay đến cuối tháng chín ta là ngày dần dần: Được-Sư, chúng tôi muốn rằng đến ngày kỷ-niệm Ngài ai cũng tụng được, nên hạ giá xuống 0\$20, ở xa gửi thêm cước phí 0\$15. Các ngài muốn thỉnh bộ Chiêu mộ nhĩ thời và Được-Sư thư và Mandat xin đề :

Monsieur NGUYỄN-BỮU-KHA, N° 36 Sinh-tử. — Hanoi

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản-ly CUNG-ĐÌNH-BÍNH